

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KÔNG CHRO  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2018

Về việc: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Võ Văn Hưng.

2. Ông Trần Ngọc Chuyên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hà – thư ký Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Phạm Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kông Chro mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/9/2018, về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn , xã A, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Dương C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn , xã A, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai – có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Trần Thị S trình bày:** Tôi và ông Dương C chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc chung sống của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, trước khi chung sống chúng tôi cũng có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau nhưng không được sự đồng ý của gia đình ông C và không có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng có hạnh phúc nhưng khoảng 10 năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do hai chúng tôi có nhiều bất đồng về quan điểm và lối sống. Ông C thường hay chửi mắng, xúc phạm tôi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và không còn tôn trọng nhau. Tôi đã cố gắng chịu đựng với hy vọng ông C sẽ suy nghĩ lại và thay đổi lối sống của mình. Tuy nhiên, tình trạng đó vẫn không được cải thiện mà ngày càng tăng lên. Nay tôi thấy cuộc sống chung của chúng tôi không có hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Dương C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và ông C đã có với nhau 02 con chung là cháu Dương Quốc Đ sinh ngày 06/12/1993 và cháu Dương Trần Triệu P sinh ngày 07/8/1999. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành và tự lập được nên tôi không có yêu cầu gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông C tự thỏa thuận với nhau, nếu sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

***Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Dương C trình bày:*** Tôi và bà Trần Thị S chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc chung sống của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, trước khi chung sống chúng tôi cũng có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau nhưng không được sự đồng ý của gia đình tôi và không có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng 10 năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau do nghi ngờ ghen tuông lẫn nhau. Cuộc sống chung của chúng tôi đã thực sự không còn hạnh phúc nên tại phiên tòa hôm nay tôi cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên là Dương Quốc Đ, sinh ngày 06/12/1993 và Dương Trần Triệu P, sinh ngày 07/8/1999. Các con hiện đã lớn và tự lập được nên tôi không có yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- Tuyên bố không công nhận ông Dương C và bà Trần Thị S là vợ chồng.
- Bà Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

Bà Trần Thị S và ông Dương C chung sống với nhau từ năm 1993. Trước khi chung sống, ông bà có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau nhưng không được sự đồng ý của hai bên gia đình và ông bà cũng không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống của ông bà là tự nguyện nhưng việc ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đã vi phạm vào các quy định về kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.*

Do vậy, việc bà Trần Thị S và ông Dương C tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Trần Thị S và ông Dương C là những công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức. Lẽ ra ông bà phải nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện, bất chấp những quy định của pháp luật, điều này ông bà cần rút kinh nghiệm.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Dương C đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn giữa ông bà xảy ra đã lâu và không thể hàn gắn được, ông bà đều thể hiện ý chí xin được ly hôn. Như vậy, mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được, đáng lẽ ra Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà nhưng như đã phân tích ở trên do ông bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tuyên bố không công nhận ông Dương C và bà Trần Thị S là vợ chồng là phù hợp.

Về con chung: Bà Trần Thị S và ông Dương C có 02 con chung là cháu Dương Quốc Đ sinh ngày 06/12/1993 và cháu Dương Trần Triệu P sinh ngày 07/8/1999. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành và tự lập được nên ông bà không có yêu cầu gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị S và ông Dương C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này ông bà có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 235 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **\*Tuyên xử:**

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị S và ông Dương C là vợ chồng.

**2. Về án phí:** Bà Trần Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000096, ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai; bà S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kông Chro;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kông Chro;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Huy Viễn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**